

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành “Quy chế công bố thông tin”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;
Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế công bố thông tin” của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các phòng chức năng Công ty và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.TH (để đăng Website Công ty);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRƯƠNG QUANG MINH

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày ... tháng ... năm 2024)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời quy định sự phối hợp giữa các phòng/bộ phận/cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty cổ phần EVN Quốc tế;
2. Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền CBTT
3. Các phòng ban liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;
4. Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Điều 3. Tài liệu tham khảo

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/07/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

8. Quyết định 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con.

9. Quyết định 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

10. Quyết định 09/QĐ-HĐTV ngày 10/8/2023 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

11. Các tài liệu, căn cứ pháp lý khác có liên quan.

Điều 4. Định nghĩa từ và chữ viết tắt

- Người nội bộ: Tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền công bố thông tin, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty, các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông Công ty hoặc Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm.

- Cổ đông lớn: Cổ đông/nhóm người có liên quan/nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

- Người có liên quan: Là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau thuộc các trường hợp được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

- Công bố thông tin là việc truyền thông/thông báo các nội dung liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Ban điều hành/Người điều hành doanh nghiệp bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

- Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.

- Phòng ban/Bộ phận có nội dung CBTT: Các phòng chức năng có nội dung cần CBTT theo TT 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020, Quyết định 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 và các văn bản có liên quan khác.

- Cán bộ đăng tải thông tin: Là cán bộ phụ trách Website Công ty và đăng tải thông tin trên cổng thông tin của UBCKNN, SGDCK, HNX và các phương tiện công bố thông tin khác theo quy định.

- TT 96: Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- NĐ 155: Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- QĐ 21: Quyết định 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con.

- QĐ 606: Quyết định 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- QĐ 09: Quyết định 09/QĐ-HĐTV ngày 10/8/2023 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- VNX: Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam
- VSDC: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- HNX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- VSDC: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- Công ty: Công ty cổ phần EVN Quốc tế
- EIC: Mã chứng khoán Công ty cổ phần EVN Quốc tế
- Ngày ĐKCC: Ngày đăng ký cuối cùng.
- CBTT: Công bố thông tin.
- BCTC: Báo cáo tài chính.
- QLCĐ: Quản lý cổ đông.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT: Hội đồng Quản trị.
- BKS: Ban Kiểm soát.
- Ban TGD: Ban Tổng giám đốc.
- P. TCKT: Phòng Tài chính kế toán.
- P. TH: Phòng Tổng hợp.
- P. KT: Phòng Kỹ thuật.

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 5. Nguyên tắc Công bố thông tin

1. Các phòng chức năng Công ty có trách nhiệm kiểm soát và thực hiện CBTT đối với các nội dung cần CBTT theo quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực Phòng phụ trách.

2. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn Điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân/tổ chức đó đồng ý. Trường hợp các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và HNX 02 bản tài liệu, trong đó 1 bản bao gồm đầy đủ

thông tin cá nhân và 01 bản che thông tin cá nhân để UBCKNN và HNX thực hiện công khai thông tin.

3. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã được công bố trước đó.

4. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN, HNX, Công ty bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định.

5. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử ngoại trừ báo cáo tài chính kiểm toán/báo cáo tài chính soát xét; hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán; hồ sơ tiếp tục niêm yết cổ phiếu sau hợp nhất, sáp nhập, chia tách doanh nghiệp và các trường hợp khác về cơ cấu lại doanh nghiệp; hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết; hồ sơ ngày đăng ký cuối cùng; hồ sơ đấu giá; hồ sơ hủy niêm yết và các văn bản khác theo yêu cầu của SGDCK.

6. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

7. Phòng ban/Bộ phận có nội dung CBTT và Cán bộ đăng tải thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin công bố, báo cáo theo quy định tại quy trình này như sau:

- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

- Các thông tin công bố bất thường theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

Điều 6. Tuân thủ quy định

- Các đối tượng phải CBTT và CBCNV Công ty cần tuân thủ tuyệt đối các nội dung được quy định trong Quy chế này. Trong trường hợp vi phạm, người vi phạm tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo định của pháp luật và Công ty.

- Đối với các vấn đề có liên quan đến việc CBTT không được quy định tại Quy chế này sẽ căn cứ theo quy định của pháp luật về CBTT hiện hành để áp dụng.

- Trường hợp các quy định trong Quy chế này không phù hợp, mâu thuẫn, trái với quy định của pháp luật (bao gồm trường hợp pháp luật có thay đổi mà Quy chế này chưa được sửa đổi bổ sung), Công ty sẽ căn cứ theo quy định của pháp luật để áp dụng.

- Trường hợp Quy chế này có dẫn chiếu đến các quy định, quy chế nội bộ, chức năng nhiệm vụ các phòng ban Công ty: Nếu các quy định, quy chế nội bộ, chức năng nhiệm vụ nêu trên có sự thay đổi, bổ sung thì Quy chế này sẽ đương nhiên được dẫn chiếu đến các quy định thay thế, sửa đổi đó.

Điều 7. Ngôn ngữ công bố thông tin

- Ngôn ngữ thông tin trên thị trường chứng khoán là Tiếng Việt.
- Trường hợp, thông tin công bố bằng tiếng Anh, nội dung công bố thông tin bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung công bố thông tin bằng tiếng Việt đã công bố, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo.

Điều 8. Người thực hiện Công bố thông tin của Công ty

- Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế CBTT. Trường hợp có hơn một người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT.

- Công ty phải báo cáo hoặc báo cáo lại thông tin về Người CBTT cho UBCKNN và sở GDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I tại Thông tư 96, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư 96.

Điều 9. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Phương tiện báo cáo, CBTT:

- Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty;
- Hệ thống CBTT của UBCKNN;
- Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo quy chế của SGDCK.

- Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...)

2. Người CBTT và Cán bộ đăng tải thông tin của Công ty thông qua các phương tiện báo cáo, CBTT tại khoản 1 Điều 8 nêu trên phải đảm bảo nguyên tắc:

- Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm: tên truy cập, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện CBTT;
- Thực hiện CBTT theo đúng hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK hoặc VSDC.
- Khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, Sở giao dịch chứng

khoản và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất lập trang thông tin điện tử hoặc thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- Trang thông tin điện tử phải có các nội dung:

+ Ngành, nghề kinh doanh: Các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới nội dung này;

+ Chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch.

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng: Các thông tin được cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức như: trả lời phỏng vấn, bài viết, thông tin bằng các hình thức khác... liên quan đến nội dung CBTT của Công ty phải là thông tin đã được Ban TGD Công ty phê duyệt.

4. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên trang điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc sau ngày nghỉ, ngày lễ.

5. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 10. Tạm hoãn Công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong các trường hợp vì những lý do bất khả kháng (Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác).

2. Trường hợp tạm hoãn công bố thông tin:

- Ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bộ phận/Phòng chức năng có nội dung CBTT phải: i) Lập báo cáo gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc tạm hoãn CBTT (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT) và làm Văn bản CBTT về việc tạm hoãn nêu trên ii) Trình Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền CBTT ký theo quy định.

- Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải thông tin tạm hoãn CBTT trên Web Công ty và hệ thống của UBCKNN, HNX.

- Ngay sau khi đã khắc phục tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 11. Công bố thông tin của Công ty

1. Công ty thực hiện chế độ báo cáo và CBTT trong các trường hợp sau:

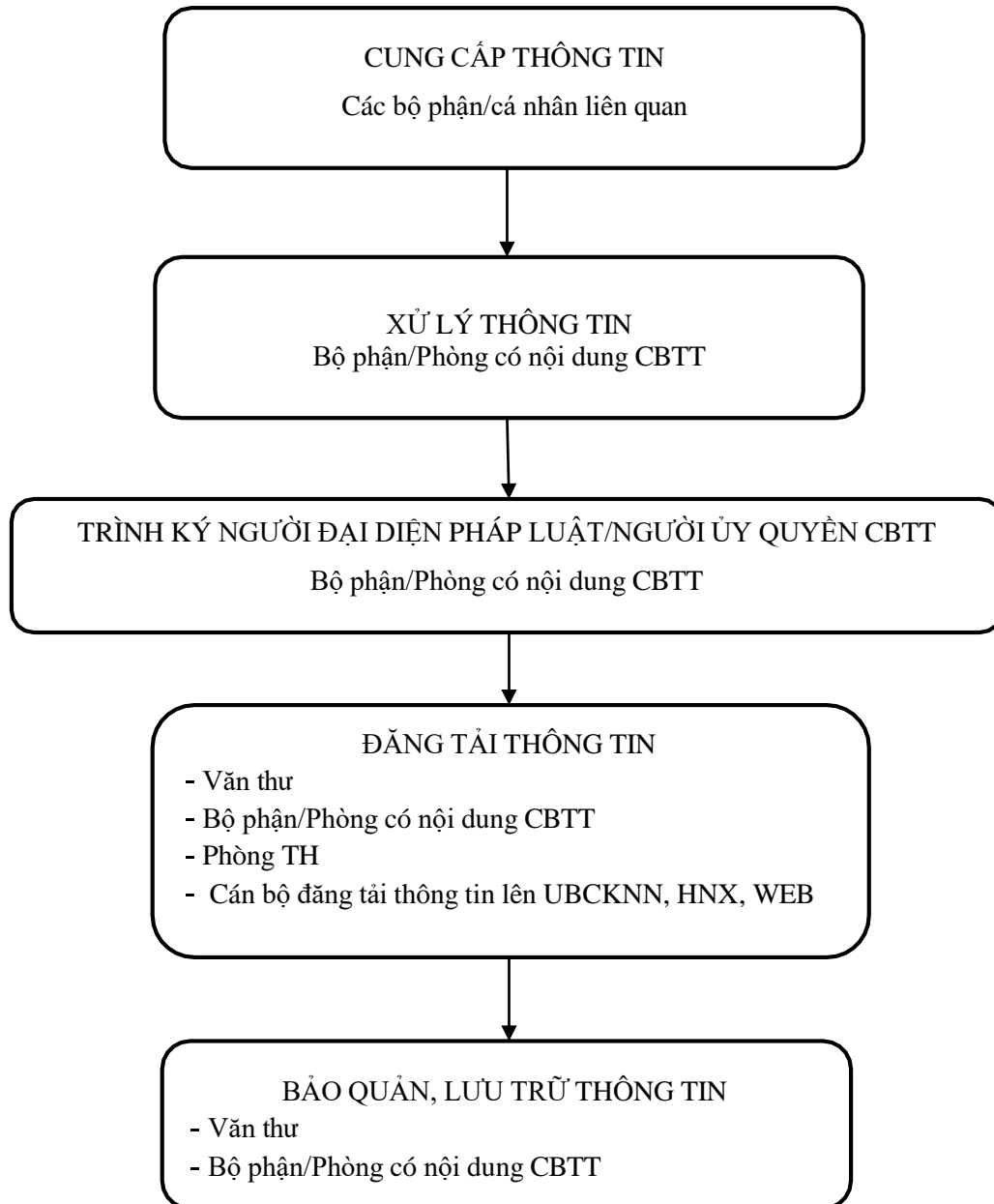
- CBTT định kỳ theo quy định tại Mục I- Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.
- CBTT bất thường theo quy định tại Mục II- Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.
- CBTT theo yêu cầu quy định tại Mục III- Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.
- CBTT về các hoạt động khác của Công ty đại chúng theo quy định tại mục IV- Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.

2. CBTT của các đối tượng khác theo quy định tại Phụ lục 2 đính kèm Quy chế này.

Điều 12. Quy trình CBTT

1. Lưu đồ thực hiện:

- ❖ Áp dụng với các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 2 Quy chế này.



Quy trình CBTT của Công ty được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1. Cung cấp thông tin

- Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận và cá nhân liên quan phải ngay lập tức kiểm tra, đối chiếu, soạn thảo văn bản CBTT.
- Các bộ phận, cá nhân có liên quan phải thực hiện đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu CBTT cho UBCKNN, SGDC, VSDC và CBTT trên các phương tiện thông đại chúng.

Bước 2: Xử lý thông tin

(Thực hiện tại Bộ phận/phòng có nội dung CBTT)

- Kiểm tra thông tin.

- Đối chiếu các quy định về CBTT.
- Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật.

Bước 3: Trình ký Người đại diện theo pháp luật của Công ty/Người được ủy quyền CBTT

Bộ phận/Phòng có nội dung CBTT đưa văn bản CBTT lên Doffice để Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền CBTT xem xét, phê duyệt. Bộ phận/Phòng có nội dung CBTT có trách nhiệm đăng ký chuyên văn bản cho Phòng TH khi đưa văn bản CBTT lên Doffice.

Bước 4: Đăng tải thông tin

- Chậm nhất sau 30 phút kể từ khi văn bản CBTT được phê duyệt hoặc thời gian khác theo yêu cầu của lãnh đạo, Văn thư phát hành văn bản, gửi văn bản CBTT và hồ sơ đi kèm cho UBCKNN, SGDCK, VSDC (tùy theo yêu cầu của loại thông tin cần công bố).

- Bộ phận/Phòng có nội dung CBTT có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Đơn vị/Người thực hiện công việc CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

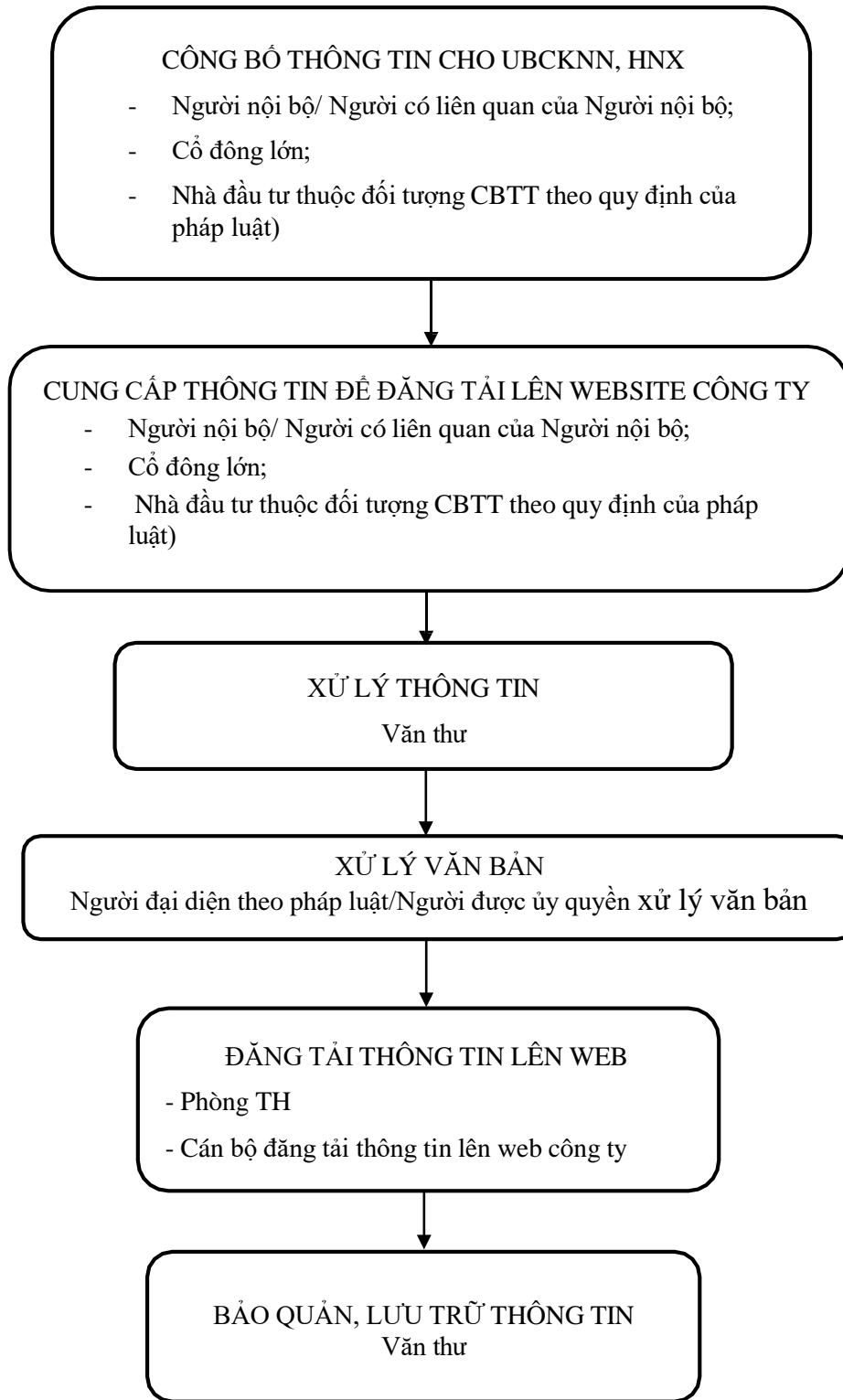
- Phòng TH chịu trách nhiệm chuyển văn bản CBTT cho Người đăng tải thông tin chậm nhất 30 phút hoặc thời gian khác theo yêu cầu của lãnh đạo kể từ khi văn bản CBTT được phát hành.

- Cán bộ đăng tải thông tin tiến hành đăng tải văn bản CBTT và hồ sơ đi kèm đã được duyệt trên trang thông tin điện tử của Công ty, UBCKNN, SGDCK, VSDC ngay sau khi được chuyển văn bản CBTT theo đúng quy định của pháp luật về nội dung CBTT.

(Lưu ý: Các thông tin trên phải được gửi cho UBCKNN, SGDCK, VSDC (tùy theo yêu cầu của loại thông tin cần công bố) trước khi CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng khác).

Bước 5: Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin, báo cáo sau khi thực hiện CBTT sẽ được lưu trữ tại Công ty theo quy định của pháp luật để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của các nhà đầu tư.



Quy trình CBTT của Công ty được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1. Công bố thông tin cho UBCKNN, HOSE

Khi phát sinh các thông tin phải công bố, các đối tượng quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 2 phải tự CBTT lên UBCKNN, HNX.

Bước 2. Cung cấp thông tin để đăng lên website Công ty

Các đối tượng quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 2 thông báo cho Công ty nội dung đã CBTT để Công ty đăng tải lên website Công ty.

Bước 3: Xử lý thông tin

Bộ phận văn thư chuyển văn bản lên Người đại diện theo pháp luật.

Bước 4: Xử lý văn bản

Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền xử lý văn bản xem xét và chuyển cho bộ phận/Phòng có trách nhiệm đăng tải thông tin.

Bước 5: Đăng tải thông tin

- Phòng TH chịu trách nhiệm chuyển văn bản cho Người đăng tải thông tin chậm nhất 30 phút kể từ khi văn bản CBTT được Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền xử lý văn bản.

- Cán bộ đăng tải thông tin tiến hành đăng tải văn bản CBTT và hồ sơ đi kèm đã được duyệt trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Bước 5: Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin, báo cáo sau khi thực hiện CBTT sẽ được lưu trữ tại Văn thư Công ty theo quy định của pháp luật để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của các nhà đầu tư.

PHỤ LỤC 1
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

| STT | Nội dung công việc cần thực hiện | Nơi tiếp nhận/ đăng tải thông tin công bố | Thời hạn CBTT | Mẫu CBTT | Căn cứ thực hiện | Đơn vị thực hiện |
|----------|--|---|---|---|--|--|
| I | CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ | | | | | |
| 1 | <p>Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán</p> <p>Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố. Trong các trường hợp này, công ty đại chúng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính</p> | SGDCK, Website của Công ty | <p>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> | CBTT toàn văn BCTC và theo quy định của HNX | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 10 TT96; - Khoản 1 Điều 10 QĐ 21 | <ul style="list-style-type: none"> - P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT; - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |

| | | | | | | |
|---|---|-------------------------------|---|--|--|--|
| 2 | Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần. | SGDCK, Website của Công ty | Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. | CBTT toàn văn BCTC và theo quy định của HNX | - Khoản 2 Điều 14 TT96; - Khoản 1 Điều 11 QĐ 21 | - P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT; - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 3 | BCTC quý | SGDCK, Website của Công ty | Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. | Theo quy định của HNX | - Khoản 3 Điều 14 TT96; - Khoản 1 Điều 11 QĐ 21 | - P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT; - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| <p><i>Lưu ý: Khi CBTT các BCTC nêu tại mục 1,2,3 nêu trên, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. | | | | | Khoản 4 Điều 14 TT96; | |
| 4 | Báo cáo thường niên | SGDCK, Website của Công ty | Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày CBTT BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | - Phụ lục IV TT 96 (Thông tin trong BCTN phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán; BCTN phải có thông tin về tình hình quản trị Công ty) | - Khoản 2 Điều 10 TT96; - Khoản 1 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH chủ trì, các phòng chức năng phối hợp chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 5 | ĐHĐCĐ thường niên | | | | | |

| | | | | | | |
|-----------|--|-------------------------------------|---|---|---|--|
| 5.1 | Ngày ĐKCC dự kiến thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên | SGDCK, Website Công ty | Tối thiểu 20 ngày trước ngày ĐKCC dự kiến | Mẫu 07/THQ QĐ 09 | - Khoản 4.b Điều 11 TT96; - Khoản 1 Điều 10 QĐ 21 - Điều 9 QĐ 09 | - P. TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 5.2 | Họp ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu họp | | Tối thiểu 21 ngày trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên | Nghị quyết HĐQT chốt ngày tổ chức, Thông báo mời họp và các tài liệu | - Khoản 3.a Điều 10 TT96; - Điều 143 Luật doanh nghiệp; - Khoản 1 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH chủ trì, các phòng chức năng phối hợp chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 5.3 | CBTT biên bản họp, NQ ĐHĐCĐ + tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết đại hội | | Trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết, biên bản | NQ, BB, các tờ trình, báo cáo được thông qua, các tài liệu khác liên quan | - Khoản 3.b Điều 10 TT96; - Khoản 1 Điều 10 QĐ 21 | Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 6 | Báo cáo tình hình quản trị | SGDCK, Website của Công ty | 30/7 năm N 30/1 năm N +1 (Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch) | Phụ lục V Thông tư 96 | - Khoản 4 Điều 10 TT96; - Khoản 1 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH chủ trì, các phòng chức năng phối hợp chuẩn bị nội dung CBTT Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 7 | Danh sách cổ đông lớn, cổ đông nhà nước tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch | SGDCK, Website của Công ty | 30/7 năm N 30/1 năm N +1 (Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/7; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo) | Mẫu 01_CBTT/SGDHN QĐ 606 | Khoản 1 Điều 10 QĐ 606 | - P. TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải thông tin |
| II | CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG | | | | | |

| | | | | | | |
|-------|--|------------------------------------|---|---|--|--|
| 1. | ĐHĐCĐ bất thường/Các biên bản/ng nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT | | | | | |
| 1.1 | Họp ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu họp | SGDCK, Website Công ty, bưu điện | Tối thiểu 21 ngày trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ bất thường | Nghị quyết HĐQT chốt ngày tổ chức, Thông báo mời họp và các tài liệu | - Khoản 3.a Điều 11 TT96; - Khoản 1 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH chủ trì, các phòng chức năng phối hợp chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.2 | Biên bản/ng nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ bất thường + tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết đại hội | SGDCK, Website của Công ty | Trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết/biên bản/quyết định | NQ, BB, các tờ trình, báo cáo được thông qua, các tài liệu khác liên quan | - Khoản 3.a Điều 11 TT96; - Khoản 1 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.3 | Thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | | | | | |
| 1.3.1 | CBTT phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ. Gửi phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ cho cổ đông | SGDCK, Website Công ty, bưu điện | Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN | Khoản 3b Điều 11 TT96 | - P. TH + Phòng có nội dung cần xin ý kiến chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.3.2 | CBTT Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | SGDCK, Website Công ty | 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị Quyết | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | Điểm c Khoản 1 Điều 11 TT 96 | - P. TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.4 | Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | Điểm d Khoản 1 Điều 11 TT 96 | - P. TH, P. TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |

| | | | | | | |
|------|---|-------------------------------------|---------------------------------|--|---|---|
| 1.5 | Ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu | UBCKNN, SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | | |
| 1.6 | Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán | UBCKNN, SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | Điểm d Khoản 1 Điều 11 TT 96 | - P. TH, P. TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.7 | - Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; - Quyết định tách, gộp cổ phiếu. | UBCKNN, SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | Điểm đ Khoản 1 Điều 11 TT 96 | - P.TH, P. TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.8 | Quyết định tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Công ty. | UBCKNN, SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | Điểm e Khoản 1 Điều 11 TT 96; Điểm c Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P.TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.9 | Thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty. | UBCKNN, SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | Điểm e Khoản 1 Điều 11 TT 96 | - P.TCKT, P.TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.10 | Thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, VP đại diện. | UBCKNN, SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P.TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.11 | Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế quản trị; Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát | SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | | - P. TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |

| | | | | | | |
|------|---|--|---------------------------------|--|--|---|
| 1.12 | Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm | SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | | - P. KT, P. TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.13 | <p>- Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật);</p> <p>- Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi ký hợp đồng);</p> <p>- Hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.</p> | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | - Điểm g Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.15 | <p>- Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành Công ty con, Công ty liên kết, hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con và công ty liên kết.</p> <p>- Công ty thực hiện đăng ký mô hình công ty, loại báo cáo tài chính công bố thông tin khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp.</p> | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | <p>- Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606</p> <p>- Mẫu 06_CBTT/SGDHN QĐ 606</p> | - Điểm h Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm c Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |

| | | | | | | |
|------|---|-------------------------------------|---------------------------------|--|--|---|
| 1.16 | Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua họp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng | UBCKNN, SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | - Điểm i Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P. TCKT, P. TH, Người nội bộ chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.17 | Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. | UBCKNN, SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | - Điểm m Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P. TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.18 | Quyết định tăng giảm vốn điều lệ | UBCKNN, SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | - Khoản 2 Điều 15 TT96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH, P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.19 | Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét | UBCKNN, SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | - Khoản 2 Điều 15 TT96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 1.20 | Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức | UBCKNN, SGDCCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | | - P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |

| | | | | | | | |
|-----|---|------------------------------------|--|---|--|---|---|
| 2. | Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết | | | | | | |
| 2.1 | Công ty phát hành thêm cổ phiếu, hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu | | 24 giờ kể từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi | | | - Điểm k Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm d Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH , P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 2.2 | Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24h kể từ thời điểm báo cáo kết quả giao dịch | Phụ lục V QĐ 21 | | | - P. TH, P. TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 2.3 | Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ của cổ đông | | 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin | | | - Điểm k Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm d Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH, P. TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 3 | Khi có sự biến động về nhân sự chủ chốt và người có liên quan đến nhân sự chủ chốt | | | | | | |
| 3.1 | - Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ - Nhận được đơn xin từ chức của Người nội bộ | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục I, II, VI QĐ 21 - Phụ lục III – TT96 - Mẫu 02_CBTT/SGDHN QĐ 606 | - Điểm l khoản 1 Điều 11 TT96; - Điểm a Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P.TH, Người nội bộ chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải | |
| 3.2 | Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ Công ty, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ của Công ty | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục VI QĐ 21 - Mẫu 08_CBTT/SGDHN QĐ 606 | - Điểm n khoản 1 Điều 11 TT96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P.TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải | |
| 3.3 | Khi có thay đổi thông tin người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III-Thông tư 96/2020/TT-BTC | SGDCK | 24 giờ kể từ khi Công ty nhận được thông tin | - Phụ lục II QĐ 21 - Mẫu 02_CBTT/SGDHN QĐ 606 - Mẫu 04_CBTT/SGDHN QĐ 606 | Điểm a Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH, Người nội bộ chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện quy trình Công văn đến của HOSE | |
| 4. | Thay đổi quan trọng về tình hình hoạt động kinh doanh | | | | | | |

| | | | | | | |
|-----|--|------------------------------------|---------------------------------|---|--|--|
| 4.1 | Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp trên | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | Phụ lục VI QĐ 21 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | <ul style="list-style-type: none"> - P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 4.2 | <p>Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; - Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; - Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục III QĐ 21 - Mẫu 05_CBTT/SGDHN QĐ 606 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm b Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | <ul style="list-style-type: none"> - P.TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 4.3 | <ul style="list-style-type: none"> - Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; - Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế. | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | Phụ lục VI QĐ 21 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm o Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | <ul style="list-style-type: none"> - P.TH, P. TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |

| | | | | | | |
|-----|---|------------------------------------|--|--|---|---|
| 4.4 | Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | Phụ lục VI QĐ 21 | - Điểm p Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P.TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 4.5 | Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | Phụ lục VI QĐ 21 | - Điểm q Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH ,P. TCKT phòng nhận biết thông tin chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 4.6 | Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | Phụ lục VI QĐ 21 | - Điểm r Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - Phòng có nội dung CBTT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 4.7 | Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | Phụ lục VI QĐ 21 | - Điểm s Khoản 1 Điều 11 TT 96 - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 4.9 | Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty (<i>Công ty đang thực hiện theo điểm a khoản 1 điều 137 Luật doanh nghiệp năm 2020</i>) | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện | - Phụ lục IV QĐ 21 - Mẫu 06_CBTT/SGDHN QĐ 606 | - Điểm e Khoản 1 Điều 11 TT96 - Điểm c Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P.TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 5 | Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu | | | | | |
| 5.1 | Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến | Phụ lục VI QĐ 21 | - Khoản 4 Điều 11 TT96; - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 Quyết định số 21/QĐ-SGDVN | - P. TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |

| | | | | | | |
|------------|--|------------------------------------|--|------------------|---|---|
| 5.2 | Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự đại hội cổ đông cho cổ đông hiện hữu | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. | Phụ lục VI QĐ 21 | - Khoản 4 Điều 11 TT96; - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 6 | CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | Trong thời hạn CBTT BCTC năm /bán niên /quý như quy định tại Mục I.1, I.2, I.3 nêu trên | Phụ lục VI QĐ 21 | - Khoản 5 Điều 11 TT96; - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 7 | Sau khi thay đổi kỳ kế toán CBTT báo cáo tài chính giai đoạn giữa 02 kỳ kết toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới | Phụ lục VI QĐ 21 | - Khoản 6 Điều 11 TT96; - Điểm đ Khoản 2 Điều 10 QĐ 21 | - P.TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| III | CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU (Kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HNX) | | | | | |
| 1 | Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư | UBCKNN, SGDCK, Website của Công ty | 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK | Phụ lục VI QĐ 21 | - Khoản 1 Điều 12 TT96; - Khoản 3 Điều 10 QĐ 21 | - Phòng có nội dung CBTT chuẩn bị nội dung CBTT Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 2 | Khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần xác nhận thông tin đó | | | | | - P. TH, P. TCKT, phòng có nội dung CBTT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| IV | CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC | | | | | |
| 1 | Chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn | UBCKNN, SGDCK, | Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, giao dịch chứng khoán | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---------------------|---|------------------|--|---|
| 2 | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa | Website của Công ty | Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam | Phụ lục VI QĐ 21 | - Điều 13 TT96; - Khoản 4 Điều 10 QĐ 21 | - P. TH, P. TCKT chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải |
| 3 | Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ | | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. - 15 ngày kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu | | | |

PHỤ LỤC 2

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

I. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÔNG TY

| STT | Đối tượng thực hiện/nội dung CBTT | Nơi tiếp nhận/ đăng tải thông tin công bố | Thời hạn CBTT | Biểu mẫu | Đối tượng thực hiện CBTT | Căn cứ |
|-----|---|---|--|--------------------|--|----------------------|
| 1 | Tổ chức, cá nhân báo cáo Công ty và CBTT về việc trở thành/không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty | - SGDCK - UBCKNN - Website Công ty | Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ thời điểm trở thành/không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan | Phụ lục VII TT 96 | Tổ chức/cá nhân sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty | Khoản 1 Điều 31 TT96 |
| 2 | Cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu Công ty thực hiện CBTT và báo cáo khi thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết | - SGDCK - UBCKNN - Website Công ty | Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán | Phụ lục VIII TT 96 | Cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu Công ty | Khoản 2 Điều 31 TT96 |
| 3 | Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan báo cáo Công ty và CBTT về việc trở thành/không còn là nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty | - SGDCK - UBCKNN - Website Công ty | Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày trở thành/không còn là nhóm cổ đông lớn/nhóm người có liên quan | Phụ lục IX TT 96 | Nhóm nhà đầu tư nước sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty | Khoản 4 Điều 31 TT96 |
| 4 | Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện CBTT và báo cáo Công ty khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết | - SGDCK - UBCKNN - Website Công ty | Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán | Phụ lục X TT 96 | Nhóm nhà đầu tư nước sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty | Khoản 4 Điều 31 TT96 |
| 5 | Công ty CBTT khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu | - Website Công ty | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại mục 1,2,3,4 nêu trên | Phụ lục VI QĐ 21 | - P. TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin thực hiện đăng tải | Khoản 6 Điều 31 TT96 |

II. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| STT | Nội dung CBTT | Nơi tiếp nhận/ đăng tải thông tin công bố | Thời hạn CBTT | Biểu mẫu | Đối tượng thực hiện CBTT | Căn cứ |
|-----|---|--|--|-------------------------------|---|-----------------------|
| 1 | Người nội bộ/người có liên quan của người nội bộ phải CBTT khi thực hiện giao dịch có giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có đảm bảo) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác) | <ul style="list-style-type: none"> - SGDCK - UBCKNN - Website Công ty | Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc | Phụ lục XIII/Phụ lục XI TT 96 | Người nội bộ/người có liên quan của người nội bộ | Khoản 1a Điều 33 TT96 |
| 2 | Người nội bộ/Người có liên quan của người nội bộ phải CBTT kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) | <ul style="list-style-type: none"> - SGDCK - UBCKNN - Website Công ty | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch | Phụ lục XV/Phụ lục XVI TT 96 | Người nội bộ/người có liên quan của người nội bộ | Khoản 1d Điều 33 TT96 |
| 3 | Công ty CBTT trong các trường hợp tại mục 1,2 nêu trên | <ul style="list-style-type: none"> - Website Công ty | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đối tượng tại mục 1,2 nêu trên | | <ul style="list-style-type: none"> - P. TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin | Khoản 7 Điều 33 TT96 |

III. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI

Tổ chức cá nhân chào mua công khai, Công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về chào mua công khai, cụ thể:

| STT | Nội dung công việc chính cần thực hiện | Nơi tiếp nhận/ đăng tải thông tin công bố | Thời hạn CBTT | Mẫu CBTT | Căn cứ | Đơn vị thực hiện |
|-----|---|---|---|------------------|---|---|
| 1 | Công ty có trách nhiệm CBTT về việc bị chào mua công khai của Tổ chức/ cá nhân trên trang thông tin điện tử của Công ty | - SGDCK - UBCKNN - Website Công ty | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai | Phụ lục VI QĐ 21 | - Khoản 1 Điều 23 QĐ 21 - Khoản 2 Điều 86 NĐ 155 | - P. TH đăng tải thông tin |
| 2 | <p>HĐQT Công ty công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của tổ chức/ cá nhân; đồng thời báo cáo UBCKNN.</p> <p>Đánh giá, khuyến nghị của HĐQT Công ty đối với việc chào mua công khai cổ phiếu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HĐQT có ý kiến khác, HĐQT phải công bố kèm theo ý kiến này</p> | - SGDCK - UBCKNN - Website Công ty | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai | Phụ lục VI QĐ 21 | - Khoản 1 Điều 23 QĐ 21 - Khoản 1 Điều 87 NĐ 155 | - P. TH chuẩn bị nội dung CBTT - Cán bộ đăng tải thông tin |

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG | 2 |
| Điều 1. Quy định chung | 2 |
| Điều 2. Đối tượng áp dụng | 2 |
| Điều 3. Tài liệu tham khảo | 2 |
| Điều 4. Định nghĩa từ và chữ viết tắt | 3 |
| Chương II. CÔNG BỐ THÔNG TIN | 5 |
| Điều 5. Nguyên tắc Công bố thông tin | 5 |
| Điều 6. Tuân thủ quy định | 6 |
| Điều 7. Ngôn ngữ công bố thông tin | 6 |
| Điều 8. Người thực hiện Công bố thông tin của Công ty | 6 |
| Điều 9. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin | 7 |
| Điều 10. Tạm hoãn Công bố thông tin | 8 |
| Điều 11. Công bố thông tin của Công ty | 8 |
| Điều 12. Quy trình CBTT | 8 |
| PHỤ LỤC I. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY | 13 |
| I. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ | 13 |
| II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG | 16 |
| III. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU (Kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HNX) | 25 |
| IV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC | 26 |
| PHỤ LỤC II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC | 27 |
| I. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÔNG TY | 27 |
| II. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ | 28 |
| III. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI | 29 |